

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần : Tổ chức học động vật (Animal histology)

- Mã số học phần : NS118
- Số tín chỉ học phần : 3 tín chỉ
- Số tiết học phần : 30 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn : Thú y
- Khoa : Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng

3. Điều kiện tiên quyết:

4. Mục tiêu của học phần: Giúp sinh viên hiểu rõ về sự cấu tạo và sắp xếp về mặt tế bào của cơ quan, bộ máy trong cơ thể động vật, từ đó nhận biết được sự khác biệt giữa các cơ quan với nhau về phương diện cấu tạo hiển vi, hiểu rõ cấu tạo bình thường để so sánh với những thay đổi trong trường hợp mô bị bệnh.

4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Nắm được các phương pháp nghiên cứu mô học động vật, đặc biệt là nắm bắt được cách sử dụng kính hiển vi và phương pháp quan sát các loại mô.
- 4.1.2. Hiểu rõ đặc điểm đặc điểm cấu tạo, nhiệm vụ và cách phân loại của các loại biểu mô, mô liên kết, mô cơ và mô thần kinh.
- 4.1.3. Hiểu rõ đặc điểm vi thể của của các loại mô chuyên khoa trong hệ thống: nội tiết, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và sinh dục.
- 4.1.4. Có khả năng vận dụng kiến thức mô học trong chẩn đoán các bệnh ở mức độ vi thể.

4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Có khả năng sử dụng kính hiển vi và quan sát tiêu bản vi thể các loại mô động vật.
- 4.2.2. Có khả năng phân biệt được sự khác biệt giữa các loại mô trong trạng thái bình thường và khi mô bị bệnh.
- 4.2.3. Có khả năng suy luận, tổng hợp các kiến thức đã học để giải thích sự liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng trong từng loại mô và cơ quan

4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Có thái độ đúng đắn về tầm quan trọng của mô học - là môn học cơ sở của ngành chăn nuôi thú y; qua đó sinh viên có kiến thức cơ bản để có thể vận dụng vào các môn học chuyên ngành thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp sinh viên có kiến thức đại cương về cấu trúc và chức năng của tế bào động vật. Trong phần mô học đại cương, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về cấu tạo, nhiệm vụ và phân loại biểu mô, mô liên kết, mô cơ và mô thần kinh. Trên cơ sở này, sinh viên sẽ được tiếp cận sâu hơn các kiến thức liên quan đến mô học chuyên khoa như đặc điểm vi thể của các hệ thống: nội tiết, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và sinh dục trong cơ thể động vật. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành quan sát các tiêu bản mô dưới kính hiển vi để biết và phân biệt các loại mô trong các điều kiện sinh lý khác nhau.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1.	Đại cương tế bào học và các phương pháp nghiên cứu mô học	4	4.1.1; 4.2.1
	1.1. Giới thiệu về tế bào học và mô học		
	1.2. Đại cương về cấu trúc và chức năng của tế bào động vật		
	1.3. Các phương pháp nghiên cứu mô học		
Chương 2.	Biểu mô	3	4.1.2; 4.2.2
	2.1. Định nghĩa		
	2.2. Cấu tạo và nhiệm vụ của biểu mô		
	2.3. Phân loại biểu mô		
	- Theo hình thái		
	- Theo chức năng tế bào		
Chương 3.	Mô liên kết	3	4.1.2; 4.2.2
	3.1. Định nghĩa		
	3.2. Cấu tạo và nhiệm vụ của mô liên kết		
	3.3. Phân loại mô liên kết		
	- Mô liên kết mềm		
	- Mô liên kết lỏng		
	- Mô liên kết cứng		
Chương 4.	Mô cơ	1	4.1.2; 4.2.2
	4.1. Định nghĩa		
	4.2. Phân loại mô cơ		
	- Cơ vân		
	- Cơ trơn		
	- Cơ tim		
Chương 5.	Mô thần kinh	1	4.1.2; 4.2.2
	5.1. Định nghĩa		
	5.2. Cấu tạo mô thần kinh		
	- Tế bào thần kinh (neuron)		
	- Tổ chức thần kinh đệm		

Chương 6. Hệ tiêu hóa	4	
6.1. Xoang miệng		4.1.3; 4.1.4;
6.2. Lưỡi		4.2.3; 4.1.4
6.3. Tuyến nước bọt		
6.4. Răng		
6.5. Thực quản		
6.6. Dạ dày		
- Dạ dày đơn		
- Dạ dày kép		
- Dạ dày gia cầm		
6.7. Ruột non		
6.8. Ruột già		
6.9. Gan		
Chương 7. Hệ hô hấp	3	4.1.3; 4.1.4;
7.1. Đường hô hấp		4.2.3; 4.1.4
- Mũi		
- Thanh quản		
- Khí quản		
- Phế quản		
7.2. Phổi		
7.3. Hệ hô hấp ở gia cầm		
Chương 8. Hệ tuần hoàn và cơ quan tạo máu	4	4.1.2; 4.2.2
8.1. Hệ tuần hoàn		
- Tim		
- Động mạch		
- Tĩnh mạch		
- Mao mạch		
8.2. Cơ quan tạo máu		
- Khí quan nội mô lympho		
- Hạch lâm ba		
- Lách		
- Tủy xương		
Chương 9. Hệ nội tiết	2	4.1.3; 4.1.4;
9.1. Tuyến yên		4.2.3; 4.1.4
9.2. Tuyến thượng thận		
9.3. Tuyến giáp trạng		
9.4. Tuyến phó giáp trạng		
9.5. Tuyến tụy		

Chương 10. Hệ tiết niệu	2	4.1.3; 4.1.4; 4.2.3; 4.1.4
10.1. Thận		
- Cấu tạo đại cương		
- Cấu tạo vi thể		
10.2 Đường tiết niệu		
- Bể thận		
- Niệu quản		
- Bàng quang		
- Niệu đạo		
Chương 11. Hệ sinh dục	2	4.1.3; 4.1.4; 4.2.3; 4.1.4
11.1. Hệ thống sinh dục đực		
- Tinh hoàn và phó tinh hoàn		
- Các đường dẫn tinh		
- Các tuyến sinh dục phụ		
11.2. Hệ thống sinh dục cái		
- Buồng trứng (noãn sào)		
- Đường sinh dục cái		
Chương 12. Da và sản phẩm của da	1	4.1.3; 4.1.4; 4.2.3; 4.1.4
12.1. Biểu bì		
12.2. Bì		

6.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Bài 1.	Hướng dẫn sử dụng kính hiển vi và phương pháp chuẩn bị tiêu bản	4	4.1.1; 4.2.1
Bài 2.	Biểu mô, mô liên kết	4	4.1.2; 4.2.2
Bài 3.	Mô cơ	2	4.1.2; 4.2.2
Bài 4.	Hệ tiêu hóa	4	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1
Bài 5.	Hệ hô hấp	4	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1
Bài 6.	Hệ tuần hoàn	3	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1
Bài 7.	Hệ nội tiết	3	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1
Bài 8.	Hệ tiết niệu	3	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1
Bài 9.	Hệ sinh dục	3	4.1.3; 4.2.2; 4.2.3; 4.3.1

7. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: giảng dạy trên lớp + báo cáo tình huống.
- Thực tập: thực hành trực tiếp trong phòng thí nghiệm.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	4.1.1 đến 4.2.3
2	Điểm thực hành	- Báo cáo thực hành - Tham gia 100% số giờ	30%	4.1.1 đến 4.2.3
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết, trắc nghiệm - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	60%	4.1.1 đến 4.2.3

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Lê Hoàng Sĩ, 2011. Bài giảng tổ chức học. Trường Đại học Cần Thơ.	
[2] Lương Kim Thanh, 2006. Giáo trình mô học cơ bản. Đại học Huế.	
[3] Lâm Thị Thu Hương, 2005. Giáo trình mô phôi gia súc. Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.	
[4] Trương Đình Kiệt, 1994. Mô học. Nxb Y học.	
[5] Bacha WJ, Bacha LM 2000. Color atlas of veterinary histology. Lippincott Williams & Wilkins.	

[6] Abrahamsohn PA, Fagundes dos Santos M, Zorn TM 2007.
Basic histology: text and atlas. The McGraw-Hill
Companies.

11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chương 1. Đại cương tế bào học và các phương pháp nghiên cứu mô học	4	4	- Nghiên cứu tài liệu: [2]; [3], [4]
3	Chương 2. Biểu mô	3	2	- Nghiên cứu tài liệu: [1], [3], [4], [6]
5	Chương 3. Mô liên kết	3	2	- Nghiên cứu tài liệu: [1], [2], [4], [6]
6	Chương 4. Mô cơ	1	2	- Nghiên cứu tài liệu: [1], [3], [4], [6]
	Chương 5. Mô thần kinh	1		- Nghiên cứu tài liệu: [1], [3], [4], [6]
7	Chương 6. Hệ tiêu hóa	4	4	- Nghiên cứu tài liệu [1], [3], [5]
9	Chương 7. Hệ hô hấp	3	4	- Nghiên cứu tài liệu [1], [3], [5]
10	Chương 8. Hệ tuần hoàn và cơ quan tạo máu	4	3	- Nghiên cứu tài liệu [1], [3], [5]
12	Chương 9. Hệ nội tiết	2	3	- Nghiên cứu tài liệu [1], [3], [5]
13	Chương 10. Hệ tiết niệu	2	3	- Nghiên cứu tài liệu [1], [3], [5]
14	Chương 11. Hệ sinh dục	2	3	- Nghiên cứu tài liệu [1], [3], [5]
15	Chương 12. Da và sản phẩm của da	1		- Nghiên cứu tài liệu [1]

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 20...

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN